TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ HƯƠNG THUỶ** **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2023/HNGĐ-ST
Ngày 13-6-2023
"V/v Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HƯƠNG THUỶ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Mai Văn Phú.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Phương và ông Trần Văn Cường.

- Thư ký phiên toà: Ông Lê Thanh Thọ - Thư ký Toà án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hương Thủy tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Thảo Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 6 năm 2023, tại Hội trường Toà án nhân dân thị xã Hương Thuỷ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 13/2023/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2023 về việc "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thúy T, sinh năm 1979; Địa chỉ hiện nay: Số X, đường Nguyễn Tất T, Tổ: Y, phường Thủy P, thị xã HT, tỉnh TTH. Có mặt.

*2. Bị đơn:*Anh Nguyễn Đình N, sinh năm 1973; Địa chỉ: Số X, đường Nguyễn Tất T, Tổ Y, phường Thủy P, thị xã HT, tỉnh TTH. Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ly hôn ngày 10 tháng 02 năm 2023, lời khai và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Thúy T trình bày: Chị và anh Nguyễn Đình N kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, đã được Ủy ban nhân dân xã Thủy P, huyện Hương T (nay là phường Thủy P, thị xã Hương T), tỉnh TTH chứng nhận kết hôn vào ngày 18 tháng 7 năm 2003. Quá trình chung sống với nhau chỉ hạnh phúc được một thời gian đầu, đến năm 2021 thì vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn. Về nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ chồng chủ yếu là do không hợp nhau. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn và không thể khắc phục hàn gắn đoàn tụ được nên chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Đình N. Về con chung, chị T công nhận vợ chồng có 01 người con chung là: Nguyễn Đình Duy B, sinh ngày 29-9-2003, hiện đã thành niên nên không có yêu cầu về việc nuôi con. Về tài sản chung, chị

T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nghĩa vụ chung về tài sản, chị T xác nhận không có.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 13 tháng 4 năm 2023, bị đơn là anh Nguyễn Đình N trình bày*:* Về quan hệ hôn nhân là đúng như lời khai của chị T đã trình bày tại tòa án. Còn về nguyên nhân dẫn đến việc mâu thuẫn giữa vợ chồng về mặt tình cảm chủ yếu là do vợ chồng chung sống với nhau không có hạnh phúc và không có tiếng nói chung. Hiện tại, anh N và chị T đã sống ly thân, tình cảm vợ chồng không còn nên chị T yêu cầu ly hôn với anh N thì anh N đồng ý ly hôn. Về con chung, anh N công nhận vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Đình Duy B, sinh ngày 29-9-2003, hiện con chung đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nghĩa vụ chung về tài sản, anh N xác nhận không có nợ chung. Do tính chất của công việc, không có thời gian và điều kiện để tham gia tố tụng tại Tòa án nên anh N có ý kiến đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh theo quy định của pháp luật.

Qua xác minh tại Chính quyền địa phương nơi cư trú của đương sự, được biết: Quá trình vợ chồng chị T, anh N chung sống với nhau không có hạnh phúc, mâu thuẫn trầm trọng kéo dài. Về nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống. Hiện nay, vợ chồng chị T và anh N sống ly thân, không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Việc chị T yêu cầu ly hôn với anh N thì đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Về việc kiểm sát việc tuân theo pháp luật về tố tụng, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã HT có ý kiến: Từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi nghị án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải là chưa chấp hành nghiêm quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Tại phiên tòa lần này bị đơn vẫn vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt, đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Bị đơn là anh Nguyễn Đình N vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung: Hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Thúy T và anh Nguyễn Đình N là hôn nhân hợp pháp, đã được Ủy ban nhân dân xã Thủy P (nay là phường Thủy P) chứng nhận kết hôn vào ngày 18/7/2003. Quá trình vợ chồng chung sống với nhau không có hạnh phúc, mâu thuẫn trầm trọng kéo dài từ đầu năm 2021 cho đến nay. Về nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ chồng chủ yếu là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau nên đã làm cho tình cảm giữa vợ chồng ngày càng trầm trọng, sống với nhau không có hạnh phúc. Tại phiên tòa hôm nay, chị T vẫn cương quyết yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị

được ly hôn với anh Nguyễn Đình N, vì thực tế tình cảm vợ chồng không còn và không có khả năng để hàn gắn đoàn tụ vợ chồng. Về phía bị đơn là anh Nguyễn Đình N cũng đồng ý về yêu cầu ly hôn của chị T nhưng vắng mặt tại phiên tòa nên không đủ cơ sở để công nhận sự thỏa thuận về việc thuận tình ly hôn giữa chị T với anh N. Xét thấy, mâu thuẫn giữa vợ chồng chị Nguyễn Thị Thúy T và anh Nguyễn Đình N đã trầm trọng, kéo dài, mục đích hôn nhân cũng không đạt được. Do đó, xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Thúy T tại phiên tòa hôm nay là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên cần được chấp nhận.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị Thúy T và anh Nguyễn Đình N công nhận vợ chồng có 01 người con chung là Nguyễn Đình Duy B, sinh ngày 29-9-2003. Hiện con chung đã thành niên, có sức khỏe và việc làm ổn định nên ở với bố hoặc mẹ là quyền của cháu B, Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị Thanh và anh Nam đều không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Thúy T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng mà chị Thanh đã nộp tại biên lai số 0003731 ngày 14-02-2023 nên nay chị Thanh không phải nộp nữa.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH :

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 147, 205, 210, 220 , khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 ; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử :

1. Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Thúy T đối với bị đơn là anh Nguyễn Đình N;

Xử: Chị Nguyễn Thị Thúy T được ly hôn với anh Nguyễn Đình N.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Thúy T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng mà chị Thanh đã nộp tại biên lai số 0003731 ngày 14-02-2023 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Hương T nên chị T không phải nộp nữa.

Báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đối với bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có

quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án sơ thẩm.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TT Huế;
- VKSND TX. Hương Thủy;
- THADS TX. Hương Thủy;
- UBND P. Thủy Phương, TX. Hương Thủy;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, lưu dán.

Mai Văn Phú